

Bán ra

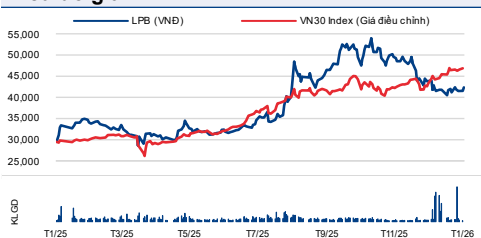
Giá mục tiêu: VNĐ25,500

Tiềm năng tăng/giảm: -39.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/1/2026)	42,350
Mã Bloomberg	LPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,690-53,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	41,883
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	126,511
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,817
Sig CP lưu hành (tr.đv)	2,987
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	149
Sig CP NN được mua (tr.đv)	118
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	5.00%
Tỷ lệ sở hữu của NN	1.03%
Tỷ lệ freefloat	89.9%
Cổ đông lớn	VNPost (6.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	508,330	553,505	652,554
Dư nợ cho vay (ntđ)	331,606	391,295	461,728
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	19,932	20,984	24,263
Lợi nhuận thuần (ntđ)	9,721	10,758	11,320
BVPS (đồng)	14,508	15,524	18,124
EPS (đồng)	3,254	3,601	3,789
DPS (đồng)	0	2,500	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	20.4	18.0	18.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	27.6	5.27	15.6
Tăng trưởng EPS (%)	74.5	10.7	5.22
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	(60.0)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	69.4	26.4
ROAE (%)	25.1	24.0	22.5
ROAA (%)	2.18	2.03	1.88
Tỷ lệ NIM (%)	3.53	3.13	3.35
Tỷ lệ CIR (%)	29.2	27.8	27.6
Hệ số CAR (%)	13.3	12.3	11.9
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.57	1.90	1.90
LLR/nợ xấu (%)	83.3	73.2	73.2
Hệ số LDR (%)	117	118	118
P/B (lần)	2.92	2.73	2.34
P/E (lần)	13.0	11.8	11.2
Lợi suất cổ tức (%)	0	5.90	2.36

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng Lộc Phát là ngân hàng quy mô vừa, được thành lập vào năm 2008, tập trung cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận Q4/2025 vượt kỳ vọng nhờ các khoản mục không thường xuyên

- LPB đã công bố LNTT Q4/2025 tăng 39%, qua đó đưa LNTT cả năm 2025 đạt 14,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 17%), cao hơn 6% dự báo của chúng tôi, chủ yếu tập trung vào Q4/2025 và nhờ khoản thu nhập từ thu hồi nợ xấu mang tính không thường xuyên.
- Dư nợ tín dụng tăng 18,1% trong khi vốn huy động tăng 18,6%. Tỷ lệ NIM tăng 12 điểm cơ bản so với quý trước nhưng không đạt kỳ vọng chủ yếu do thay đổi phương pháp hạch toán. Thu nhập phí cốt lõi vẫn kém tích cực trong khi chất lượng tài sản tốt hơn một chút so với kỳ vọng.
- Nhìn chung, KQKD vượt dự báo nhờ khoản thu nhập không thường xuyên, trong khi HĐKD cốt lõi (tỷ lệ NIM, thu nhập phí) thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi. HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 20/1/2026

LPB ghi nhận lợi nhuận thuần Q4 mạnh mẽ, vượt dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ các khoản mục không thường xuyên. Mặc dù mức tăng trưởng công bố có vẻ tích cực, nhưng bức tranh tổng thể cho thấy HĐKD cốt lõi chỉ cải thiện khiêm tốn với một số động lực ngắn hạn hỗ trợ lợi nhuận trong quý.

LNTT Q4 tăng 39% so với cùng kỳ nhờ thu nhập từ thu hồi nợ xấu

LPB ghi nhận LNTT Q4/2025 đạt 4,66 nghìn tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ và tăng 35% so với quý trước, mức lợi nhuận cao nhất trong năm. Trong cả năm 2025, LNTT đạt 14,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 17% và vượt khoảng 6% dự báo của chúng tôi, kết quả vượt kỳ vọng chủ yếu tập trung vào Q4/2025.

Tổng thu nhập hoạt động Q4/2025 tăng 25% so với cùng kỳ và tăng 31% so với quý trước, đạt 6,96 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi loại ra khoản thu nhập từ thu hồi nợ xấu trong các kỳ so sánh, tổng thu nhập hoạt động cốt lõi (không bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu) tăng trưởng vừa phải hơn, khoảng 15% so với cùng kỳ và khoảng 11% so với quý trước, chủ yếu nhờ tín dụng tăng trưởng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, LPB

LNTT Q4/2025 tăng mạnh nhờ thu nhập từ thu hồi nợ xấu

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	4,507	4,781	6.1%	15,394	16,034	4.2%	98.1%
Thu nhập ngoài lãi	1,046	2,176	108.0%	4,537	5,847	28.9%	126.0%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	510	666	30.6%	3,210	3,199	-0.4%	104.5%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	-18	87	-582.7%	273	348	27.3%	111.8%
Lãi tự doanh	9	118	1277.2%	42	138	232.1%	461.3%
Thu nhập khác	546	1,254	129.8%	937	2,051	118.8%	174.5%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	51	-	75	112	48.7%	182.9%
Tổng thu nhập HĐ	5,553	6,957	25.3%	19,932	21,881	9.8%	104.3%
Chi phí HĐ	1,650	1,964	19.1%	5,811	6,190	6.5%	106.3%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	3,903	4,993	27.9%	14,121	15,691	11.1%	103.5%
Chi phí dự phòng	553	336	-39.3%	1,953	1,422	-27.2%	83.0%
LNTT	3,350	4,657	39.0%	12,168	14,269	17.3%	106.1%
Lợi nhuận thuần	2,670	3,731	39.7%	9,721	11,422	17.5%	106.2%

Nguồn: LPB, HSC

Tổng dư nợ tín dụng tăng 18,1%, tổng vốn huy động tăng 18,6%

Tổng dư nợ tín dụng nội bảng tăng 18,1% so với cùng kỳ đạt 391,7 nghìn tỷ đồng, trong đó tăng trưởng tương đối cân bằng giữa phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn/DNNVV (tăng 18% so với cùng kỳ) và phân khúc bán lẻ (tăng 18,4% so với cùng kỳ). Tăng trưởng theo quý giảm tốc xuống chỉ còn 1% so với quý trước trong Q4/2025 do chạm hạn mức tăng trưởng. Để khắc phục một phần hạn chế này, LPB đã ghi nhận ngoại bảng 11 nghìn tỷ đồng bảo lãnh khoản vay mới trong Q4/2025. Các khoản bảo lãnh này có tích chất tương tự khoản cho vay khách hàng nhưng không yêu cầu trích lập dự phòng, giúp chi phí tín dụng ước tính giảm khoảng 82,5 tỷ đồng (dựa trên giả định trích lập dự phòng chung khoảng 0,75%).

Về phía huy động, tổng vốn huy động sơ cấp (tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá) tăng 18,6% so với cùng kỳ, nhìn chung phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, trong khi tiền gửi khách hàng tăng 19,2% so với cùng kỳ, đảm bảo hỗ trợ đầy đủ cho bảng CĐKT. Tuy nhiên, các chỉ số thanh khoản vẫn tương đối hạn chế với hệ số LDR ở mức 116% và hệ số LDR điều chỉnh (tổng tín dụng trên tổng vốn huy động sơ cấp) ở mức 97,5% tại thời điểm cuối Q4/2025.

Tỷ lệ NIM cải thiện 12 điểm cơ bản so với quý trước nhưng không đạt kỳ vọng

Tỷ lệ NIM hàng quý đã cải thiện lên 3,39% trong Q4/2025, tăng 12 điểm cơ bản so với quý trước, nhưng vẫn không đạt kỳ vọng. Trong đó, phần lớn sự cải thiện đến từ phân loại lại một số khoản thu nhập phí thành thu nhập lãi thuần. Nếu tính cả khoản thu nhập phí này, tỷ lệ NIM điều chỉnh sẽ giảm 4 điểm cơ bản so với quý trước.

Đồng thời, chi phí huy động giảm khoảng 16 điểm cơ bản so với quý trước xuống 4,98% mặc dù mặt bằng lãi suất tiền gửi tăng. Chúng tôi cho rằng điều này chủ yếu do khách hàng rút tiền gửi có kỳ hạn trước hạn, theo đó khách hàng chấp nhận mất đi khoản lãi lũy kế để chuyển sang tiền gửi mới với lãi suất cao hơn, tạm thời làm giảm chi phí huy động thực tế. Lợi ích này có vẻ chỉ mang tính tạm thời và sẽ làm tăng áp lực lên chi phí huy động kể từ Q1/2026.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 108% nhờ thu nhập từ thu hồi nợ xấu

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 108% so với cùng kỳ trong Q4/2025, gần như hoàn toàn nhờ thu nhập từ thu hồi nợ xấu đạt 1,24 nghìn tỷ đồng, tăng 123% so với cùng kỳ và tăng 656% so với quý trước, đóng góp khoảng 18% tổng thu nhập hoạt động trong quý. Nếu không bao gồm khoản mục không thường xuyên này, thu nhập ngoài lãi cốt lõi vẫn yếu với lãi thuần HĐ dịch vụ cốt lõi chỉ khoảng 200 tỷ đồng, không cho thấy sự cải thiện và thấp hơn so với dự báo của chúng tôi.

Chi phí hoạt động cả năm được kiểm soát tốt nhưng có xu hướng tăng theo quý

Chi phí nhìn chung vẫn được kiểm soát tốt với hệ số CIR ở mức 28,3% trong năm 2025, giảm từ 29,2% trong năm 2024. Tuy nhiên, xu hướng tăng đã rõ rệt hơn trong Q4/2025 với chi phí hoạt động tăng 19% so với cùng kỳ (cao hơn dự báo), mặc dù số lượng nhân viên bình quân giảm 17% so với cùng kỳ. Số lượng nhân viên cũng tiếp tục xu hướng tăng theo quý, tăng 2% so với quý trước trong Q4/2025, sau khi tăng 2,3% trong Q3/2025, cho thấy áp lực chi phí tiềm ẩn trong thời gian tới.

HSC duy trì khuyến nghị Bán ra và giá mục tiêu

KQKD Q4/2025 vượt dự báo của chúng tôi nhờ thu nhập không thường xuyên, trong khi HĐKD cốt lõi thấp hơn một chút so với dự báo. LPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 2,3 lần, cao hơn 80% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân. Do đó, HSC giữ nguyên khuyến nghị và giá mục tiêu hiện tại.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	32,354	34,137	39,727	49,044	55,631
Chi phí lãi	(21,151)	(18,743)	(23,382)	(29,175)	(30,443)
Thu nhập lãi thuần	11,203	15,394	16,345	19,869	25,188
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,566	3,211	3,062	3,103	2,818
Lãi thuần HĐ KDNH	435	273	311	342	604
Lãi/lỗ từ mua bán CK	25.0	41.6	30.1	46.4	70.9
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	49.3	75.0	60.5	60.5	60.5
Thu nhập khác	347	938	1,175	841	1,154
Tổng thu nhập HĐ	15,625	19,932	20,984	24,263	29,896
Chi phí HĐ	(5,760)	(5,810)	(5,825)	(6,685)	(8,484)
LN trước dự phòng	9,865	14,122	15,159	17,578	21,412
Chi phí dự phòng	(2,826)	(1,954)	(1,714)	(3,428)	(5,486)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	7,039	12,168	13,445	14,150	15,926
Chi phí thuế TNDN	(1,467)	(2,447)	(2,687)	(2,830)	(3,185)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	5,572	9,721	10,758	11,320	12,741
EPS (đồng)	1,865	3,254	3,601	3,789	4,265
DPS (đồng)	0	0	2,500	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,987	2,987	2,987	2,987	2,987

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,383	1,162	1,956	2,309	4,540
Tiền gửi tại NHNN	14,578	14,370	3,913	6,926	22,702
Tiền gửi tại các TCTD khác	35,528	96,455	96,926	111,922	95,839
Chứng khoán kinh doanh	580	660	106	125	795
Các công cụ tài chính phái sinh	0	9.14	22.4	22.4	22.4
Số dư cho vay thuần	271,994	327,276	385,851	455,304	537,435
Tổng dư nợ cho vay	275,453	331,606	391,295	461,728	544,839
Dự phòng rủi ro	(3,458)	(4,330)	(5,445)	(6,425)	(7,404)
Chứng khoán đầu tư	46,844	58,080	52,809	62,298	78,750
CK đầu tư sẵn sàng để bán	46,844	58,080	52,809	62,298	78,750
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	349	549	516	516	516
Tài sản cố định	1,950	2,732	3,190	3,590	4,090
Tài sản khác	8,656	7,037	8,216	9,543	11,435
Tổng tài sản	382,863	508,330	553,505	652,554	756,124
Nợ phải trả	348,746	464,992	507,130	598,411	692,866
Tiền gửi của NHNN	89.6	1,271	7,838	9,246	11.7
Tiền gửi của các TCTD khác	50,112	115,349	97,824	115,432	108,968
Tổng tiền gửi KH	237,392	283,172	332,601	392,469	482,410
Trái phiếu và CCTG	47,910	55,459	58,694	69,259	85,131
Nợ khác	13,166	9,741	10,174	12,005	16,345
Vốn chủ sở hữu	34,117	43,338	46,375	54,142	63,258
Vốn điều lệ	25,576	25,576	29,873	29,873	29,873
Thặng dư vốn cổ phần	0.06	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	4,845	12,122	8,711	14,213	21,066
Quỹ & vốn khác của CSH	3,696	5,640	7,792	10,056	12,320
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	382,863	508,330	553,505	652,554	756,124
BVPS (đồng)	11,421	14,508	15,524	18,124	21,176

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	16.8	32.8	8.89	17.9	15.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	20.4	18.0	18.0	18.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	9.96	19.3	17.5	18.0	22.9
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.7	18.7	15.6	18.0	22.9
Tăng trưởng VCSH (%)	41.8	27.0	7.01	16.7	16.8
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	(5.86)	37.4	6.18	21.6	26.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.54	0.88	0.25	14.8	26.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	11.3	43.1	7.34	16.0	21.8
Tăng trưởng LNTT (%)	23.7	72.9	10.5	5.24	12.5
Tăng trưởng LN thuần (%)	23.5	74.5	10.7	5.22	12.5

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.40	4.47	3.95	4.02	4.24
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.62)	(1.30)	(1.10)	(1.11)	(1.20)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.5	98.0	98.5	98.5	98.4
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.47	1.78	2.21	2.43	2.72
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	5.16	9.02	9.98	10.5	12.4

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	22.7	13.0	11.8	11.2	9.93
P/B (lần)	3.71	2.92	2.73	2.34	2.00
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	5.90	2.36	2.36

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	35.7	48.8	51.3	46.7	42.6
ROAA (%)	1.57	2.18	2.03	1.88	1.81
ROAE (%)	19.2	25.1	24.0	22.5	21.7
Chi phí huy động BQ (%)	6.72	4.74	4.91	5.39	4.82
Lợi suất góp BQ (%)	9.34	7.82	7.60	8.26	8.03
Lợi suất thuần (%)	2.62	3.08	2.69	2.87	3.21
Tỷ lệ NIM (%)	3.24	3.53	3.13	3.35	3.63
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	22.8	16.1	14.6	12.8	9.43
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	71.7	77.2	77.9	81.9	84.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.48	6.66	7.51	5.32	6.32
Tỷ lệ CIR (%)	36.9	29.2	27.8	27.6	28.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	69.4	26.4	23.4

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.2	13.3	12.3	11.9	11.8
VCSH/Tổng TS (%)	8.91	8.53	8.38	8.30	8.37
Đòn bẩy vốn (lần)	11.2	11.7	11.9	12.1	12.0

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.34	1.57	1.90	1.90	1.80
Hệ số LLR (%)	93.8	83.3	73.2	73.2	75.5

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	116	117	118	118	113
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.9	25.4	20.0	20.0	16.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.9	65.2	70.7	70.8	72.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,079	1,078	1,078	1,078	1,028
Số lượng nhân viên	10,627	11,189	9,511	9,987	10,986

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn